

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-12-2022

V/v: tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguỵên đơn:* Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm: 1993; địa chỉ: số 187/1 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Mai Chí L, sinh năm: 1989; địa chỉ: số 81/2 ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Thúy Nà trình bày:

Chị và anh Mai Chí L tiến tới hôn nhân là do quen biết nhau, có tìm hiểu nhau một thời gian, có tổ chức lễ hỏi và lễ cưới theo phong tục, hôn nhân giữa chị và anh L là tự nguyện. Chị và anh có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2014 tại UBND xã P, huyện T, chị và anh L có con chung xong rồi mới đăng ký kết hôn, nguyên nhân là do trước đó chị và anh L là bạn đi làm nên không có thời gian để đăng ký kết hôn theo quy định. Kết hôn xong chị và anh L chống chung tại nhà anh L. Quá trình sống chung giữa chị và anh L có hạnh phúc một thời gian ngắn,

sau đó thì không có hạnh phúc xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Chị và anh L đã không còn sống chung với nhau hơn 08 năm nay, từ khi chị và anh L không còn sống chung thì cả hai cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Mai Chí L, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

- Về con chung: chị và anh L có 01 con chung là cháu Mai Tấn Đ, sinh ngày: 19/12/2013, từ khi chị và anh L không còn sống chung thì cháu Đ sống cùng với anh L, được anh L và gia đình anh L chăm sóc giáo dục cháu rất tốt nên khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Mai Tấn Đ cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh kinh tế của chị hiện nay khó khăn.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Chí L vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thuý N, chị N được ly hôn với anh Mai Chí L. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về con chung: giao cháu Mai Tấn Đ, sinh ngày 19/12/2013 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: chị N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Mai Chí L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã P,

huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thị Thúy N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Mai Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị N và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 23/4/2014, hôn nhân của anh chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét lời trình bày của chị N cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh L có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, chị N và anh L đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian dài nhưng không có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm. Đối với anh Mai Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử từ đó có cơ xác định anh L không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của vợ chồng chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn, do chị N và anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.2] Về con chung: có 01 con chung Mai Tấn Đ, sinh ngày 19/12/2013 hiện đang sống chung với anh L. Thấy rằng, từ khi chị N và anh L không còn sống chung thì anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Tấn Đ, chị Ngà đồng ý giao cháu Đ cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Đ cũng có nguyện vọng sống chung với anh L. Lẽ đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Mai Tấn Đ, sinh ngày 19/12/2013 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do anh L không có lời trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Ngà trình bày không cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Anh L được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh L không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị N phải nộp án phí hôn nhân không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thúy N đối với anh Mai Chí L. Chị Trần Thị Thúy N được ly hôn với anh Mai Chí L. Ghi nhận chị Ngà không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Mai Tấn Đ, sinh ngày 19/12/2013 cho anh Mai Chí L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản; về nợ chung: chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có lời trình bày. Nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007532 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Phú Khánh;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hồ Văn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Sơn Lê Khắc Hiệp

Hồ Văn Tú